

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBV24B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Sinh lý thực vật - Giống CT(4)	ĐTPH dịch hại cây trồng(4)	Đất và phân bón(1)	Pháp luật chuyên ngành BVTV(1)	Phương pháp thí nghiệm(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2456201160252	Đào Thị Huỳnh	Anh	07/01/2009	5.5	6.1	8.6	7.8	7.7	9.3	7.2	Khá
02	2456201160253	Võ Chí	Bình	21/12/2009	5.3	6.7	6.6	4.8	9.3	8.1	6.5	Trung bình
03	2456201160254	Tô Bảo	Chấn	15/10/2009	5.8	5.6	6.9	6.8	7.0	8.8	6.5	Trung bình
04	2456201160255	Huỳnh Văn Khánh	Duy	08/09/2009	5.6	6.1	5.8	5.9	6.2	9.1	6.3	Trung bình
05	2456201160256	Lê Hữu	Điền	17/12/2009	6.0	7.0	7.7	7.7	7.7	9.7	7.4	Khá
06	2456201160257	Lê Văn Tinh	Em	27/06/2009	5.4	6.3	6.9	5.8	7.2	9.1	6.6	Trung bình
07	2456201160258	La Đăng Trường	Giang	13/03/2009	5.5	6.0	7.5	8.2	8.6	9.0	6.9	Trung bình
08	2456201160259	Lâm Minh	Giang	23/02/2009	4.0	7.3	6.6	8.4	8.5	9.3	6.7	Trung bình
09	2456201160260	Dương Nguyễn Chí	Huy	05/12/2009	5.7	7.4	6.3	6.2	7.3	7.0	6.6	Trung bình
10	2456201160261	Trần Lê	Huy	23/11/2009	5.5	5.9	5.8	5.0	7.1	8.8	6.2	Trung bình
11	2456201160262	Trần Quốc	Huy	29/08/2009	2.4	1.6	0.3	2.4	0.0	3.4	1.7	Yếu
12	2456201160263	Trần Quang	Khang	18/06/2009	0.0	0.2	0.4	2.6	0.0	2.7	0.7	Yếu
13	2456201160264	Trương Tấn	Khang	01/02/2009	5.9	6.9	7.3	8.6	7.0	8.6	7.1	Khá
14	2456201160265	Lê Văn	Kiệt	02/11/2008	5.1	6.6	2.4	4.4	6.5	8.0	5.2	Trung bình
15	2456201160266	Trương Bảo	Lộc	25/03/2008	4.6	7.1	7.5	7.8	7.6	8.5	6.8	Trung bình
16	2456201160267	Tổng Thị Trúc	Ly	03/12/2009	5.6	5.8	6.1	6.0	6.7	8.3	6.2	Trung bình
17	2456201160268	Trần Quang	Minh	06/11/2008	5.4	5.8	5.8	6.3	5.9	7.8	6.0	Trung bình
18	2456201160269	Lư Thị Cẩm	Nang	12/09/2009	5.9	7.0	7.7	8.8	8.4	9.4	7.4	Khá
19	2456201160270	Phan Văn	Nghị	23/08/2009	5.7	6.9	6.4	7.7	7.2	9.2	6.8	Trung bình
20	2456201160271	Lê Thành	Nghĩa	31/01/2009	7.8	8.1	8.1	8.3	8.4	9.4	8.2	Giỏi
21	2456201160272	Phạm Văn	Phát	05/05/2009	7.0	8.2	9.3	9.0	9.5	9.3	8.4	Giỏi

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Sinh lý thực vật - Giống CT(4)	ĐTPH dịch hại cây trồng(4)	Đất và phân bón(1)	Pháp luật chuyên ngành BVTN(1)	Phương pháp thí nghiệm(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2456201160273	Trần Vũ	Phong	20/02/2009	6.1	6.1	6.7	3.2	8.5	8.4	6.5	Trung bình
23	2456201160274	Nguyễn Thị Thanh	Phương	05/08/2009	6.3	6.4	7.6	7.0	7.2	9.6	7.2	Khá
24	2456201160275	Nguyễn Đình	Quốc	10/02/2009	5.4	6.4	6.3	5.0	7.9	8.9	6.4	Trung bình
25	2456201160276	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	31/10/2009	5.5	7.8	7.4	8.9	9.2	9.7	7.5	Khá
26	2456201160277	Nguyễn Hoàng	Trọng	31/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
27	2456201160278	Phan Hữu	Trọng	19/12/2009	5.6	6.3	7.6	6.5	8.9	8.9	7.0	Khá
28	2456201160279	Phan Thành	Trung	01/02/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
29	2456201160280	Huỳnh Công	Vinh	06/01/2009	6.4	7.5	6.2	8.2	8.9	9.9	7.3	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái